

Đơn vị tính: đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Mức độ hoàn thành	
		Kế hoạch	Thực hiện	So với năm 2023	So với kế hoạch năm 2024
1.Doanh thu bán hàng (tỷ VNĐ)	1.340,03	1.420,00	1.065,10	79,48%	75,01%
2.Lợi nhuận kế toán sau thuế (tỷ VNĐ)	39,36	38,00	21,68	55,07%	57,04%
3.Trả cổ tức (%)	0%	3%	3%		

2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định cho hoạt động SXKD

HĐQT đã tiến hành họp thường xuyên, thể thức cuộc họp, nội dung và biên bản cuộc họp, các Nghị quyết, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật Doanh nghiệp, điều lệ của công ty

Định hướng và hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 theo hướng khả thi và khắc phục vượt khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh. Mặc dù còn khó khăn nhưng đời sống, thu nhập của Cán bộ công nhân viên cơ bản được đảm bảo, Công ty bảo toàn được vốn của cổ đông và có bước chuẩn bị cho sự phát triển của Công ty năm 2025.

3. Về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2024 Ban điều hành đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT đề ra.

Ban kiểm soát nhất trí với những đánh giá trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Ban Tổng giám đốc Công ty.

Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo chăm lo đời sống và thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, trong năm qua không xảy ra tình trạng nợ lương, khiếu kiện của người lao động.

II/ KIỂM SOÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

1. Kiểm soát chấp hành chế độ tài chính kế toán:

Công ty đã mở sổ kế toán chi tiết, tổng hợp đúng theo quy định hiện hành.

Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương I – Pharbaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh

Pharbaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024:

Ban kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo tài chính của Công ty

Kết quả thẩm định báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2024 như sau:

I Tình hình nguồn vốn và tài sản

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	31/12/2024	31/12/2023
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	777.700.050.219	913.662.419.035
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	228.457.616.692	206.216.639.888
1. Tiền	228.457.616.692	8.216.639.888
2. Các khoản tương đương tiền	-	198.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	206.668.011.494	264.773.427.661
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	211.124.937.554	161.419.550.035
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	50.768.678.408	107.225.089.554
6. Phải thu ngắn hạn khác	5.184.498.356	16.323.949.020
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.410.102.824)	(20.195.160.948)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	-	-
IV. Hàng tồn kho	181.198.323.077	273.206.020.350
1. Hàng tồn kho	181.307.079.046	281.060.435.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.755.969)	(7.854.415.573)
V. Tài sản ngắn hạn khác	161.376.098.956	169.466.331.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.635.354.640	1.994.017.957

2. Thuế GTGT được khấu trừ	157.740.744.316	167.377.938.065
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	94.375.114
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.389.916.323.016	2.253.530.835.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	156.854.697.592	156.854.697.592
6. Phải thu dài hạn khác	156.854.697.592	156.854.697.592
II. Tài sản cố định	135.410.988.399	112.496.556.941
1. Tài sản cố định hữu hình	87.482.750.362	102.878.895.085
- Nguyên giá	559.317.096.007	547.448.403.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	(471.834.345.645)	(444.569.507.954)
3. Tài sản cố định vô hình	47.928.238.037	9.617.661.856
- Nguyên giá	57.227.979.082	15.427.979.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	(9.299.741.045)	(5.810.317.226)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2.089.555.485.887	1.971.557.907.671
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.089.555.485.887	1.971.557.907.671
V. Đầu tư tài chính dài hạn	283.853.641	283.853.641
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	283.853.641	283.853.641
VI. Tài sản dài hạn khác	7.811.297.497	12.337.819.564
1. Chi phí trả trước dài hạn	7.811.297.497	12.337.819.564
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.167.616.373.235	3.167.193.254.444
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.897.891.373.284	1.919.143.714.255
I. Nợ ngắn hạn	976.318.468.468	924.026.415.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	174.563.722.890	112.095.153.810
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	149.576.264.685	118.473.044.875
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.890.201.326	9.907.863.501

4. Phải trả người lao động	14.713.709.889	12.004.366.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.099.275.741	4.070.701.624
9. Phải trả ngắn hạn khác	6.026.920.376	24.851.636.728
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	620.893.815.332	642.069.089.884
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	554.558.229	554.558.229
II. Nợ dài hạn	921.572.904.816	995.117.299.063
7. Phải trả dài hạn khác	1.720.600.000	2.615.020.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	919.558.016.888	992.213.597.104
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	294.287.928	288.681.959
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.269.724.999.951	1.248.049.540.189
I. Vốn chủ sở hữu	1.269.724.999.951	1.248.049.540.189
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.132.999.020.000	1.132.999.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.132.999.020.000	1.132.999.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	25.731.363.636	25.731.363.636
8. Quỹ đầu tư phát triển	38.505.239.661	38.505.239.661
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	65.028.588.865	43.343.785.822
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	43.343.785.822	3.977.656.868
- LNST chưa phân phối kỳ này	21.684.803.043	39.366.128.954
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	7.460.787.789	7.470.131.070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.167.616.373.235	3.167.193.254.444

II Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.066.796.488.421	1.341.155.656.626

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.701.142.857	1.122.900.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	1.065.095.345.564	1.340.032.756.386
4. Giá vốn hàng bán	855.335.074.533	1.109.245.779.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	209.760.271.031	230.786.977.166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.971.391.910	6.515.043.180
7. Chi phí tài chính	43.258.189.305	46.183.731.165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	36.548.872.295	40.619.602.712
9. Chi phí bán hàng	4.890.899.552	6.001.422.926
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.371.319.416	133.988.532.542
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) + 24 - (25+26)}	30.211.254.668	51.128.333.713
12. Thu nhập khác	88.007.744	82.018.781
13. Chi phí khác	2.149.867.791	1.518.501.524
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(2.061.860.047)	(1.436.482.743)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	28.149.394.621	49.691.850.970
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.468.328.890	10.327.547.880
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.605.969	2.738.795
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	21.675.459.762	39.361.564.295
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	21.684.803.043	39.366.128.954
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	(9.343.281)	(4.564.659)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	191	347
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	191	347

III/ KIỂM SOÁT CÔNG TÁC SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Trong năm 2024 Công ty đã đăng ký mới: 79 sản phẩm; đăng ký được gia hạn: 315 sản phẩm.

Theo dõi đánh giá chất lượng nhà cung cấp nguyên liệu theo đúng quy trình ISO, đảm bảo phục vụ tốt công tác sản xuất với chất lượng tốt nhất.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường và các thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Luôn đảm bảo các thiết bị đầy đủ và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công việc đảm bảo cho công tác kiểm tra chất lượng đạt hiệu quả và có độ chính xác cao đồng thời đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn, hiệu quả và tiết kiệm hợp lý.

IV/ PHỐI HỢP BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

1. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành:

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Cổ đông giao, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn trung thực với HĐQT trong việc xây dựng các Quy chế, nội dung cuộc họp, Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Ban kiểm soát cũng thường xuyên xem xét, đóng góp ý kiến với Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để phù hợp với mục tiêu của Công ty, Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

2. Ý kiến của Cổ đông:

Trong năm 2024 không có ý kiến khiếu nại của Cổ đông liên quan đến HĐQT, Ban điều hành và những thắc mắc về tình hình của Công ty.

B.KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Kế hoạch năm 2025:

Trong năm 2025 Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định liên quan khác của Luật Doanh nghiệp và pháp luật nhà nước

Thẩm định Báo cáo hoạt động của Công ty hàng Quý, 6 tháng và năm theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo đề nghị của Cổ đông hoặc HĐQT trong quá trình hoạt động nhằm phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tiếp nhận và giải quyết các vấn đề mà Cổ đông có ý kiến theo đúng quy định

2. Ban kiểm soát có một số ý kiến:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty tiếp tục chỉ đạo và hoàn thiện một số nội dung sau:

Kiểm soát kịp thời giữa thực tế với định mức, kế hoạch sản xuất, giảm thiểu tối đa các chi phí không hợp lý để đảm bảo góp phần giảm chi phí giá thành sản xuất ở mức tối ưu nhất.

Hoàn thiện hệ thống hồ sơ của nhà máy được đầy đủ và đồng bộ hơn để đẩy nhanh tiến độ hơn nữa trong việc xây dựng hồ sơ nhà máy khi đăng ký sản xuất thuốc.

Công ty cần đẩy mạnh và phát triển công tác nghiên cứu để có thêm nhiều sản phẩm mới nhằm chiếm lĩnh thị trường tốt hơn.

Phát triển mở rộng khách hàng bao tiêu, OTC, gia công nhượng quyền sản xuất với một số đối tác nước ngoài.

Tận dụng tối đa hiệu quả của quá trình tái cơ cấu để đưa Pharbaco tăng trưởng và phát triển nhanh hơn.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 xin được trình trước Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương I – Pharbaco

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Khổng Thị Hương Lan

